

Bản án số: 02/2023/HS-PT
Ngày: 29/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Thẩm phán: Ông Trần Việt Trung
Bà Đoàn Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 2 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2023/QĐXXPT-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Đào Ngọc T, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1966 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Viên chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Phương (đã chết) và con bà Lê Thị H; vợ Hồ Thị C và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Bị cáo có mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Trí B, nhưng không có kháng cáo, kháng nghị.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thọ T; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Phan Văn T; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Đinh Văn G; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Đinh Văn H; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Hồ Văn B; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Bà Đào Thị T; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***
- Ông Trần Văn C; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Trần Hoài N; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Đinh Văn Q; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Nguyễn Vũ T; địa chỉ: Thôn Xá, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Đoàn Phi Hùng; địa chỉ: Khóm K, thị trấn A, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Anh Nguyễn T Tư; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian bị cáo Đào Ngọc T là viên chức của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cùng Nguyễn Trí B là công chức địa chính - xây dựng xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị đã lợi dụng công vụ được giao trong việc tiếp nhận, hướng dẫn người sử dụng đất kê khai và thực hiện nghĩa vụ tài chính để được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bị cáo đưa ra thông tin phải nộp nghĩa vụ tài chính về quyền sử dụng đất cao hơn mức mà người sử dụng đất phải nộp theo quy định của Nhà nước và trực tiếp thu tiền, trả Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền chênh lệch của những bị hại để tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

- Vào tháng 7/2018, ông Nguyễn Thọ T đến UBND xã B hỏi B về thủ tục nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình. Qua kiểm tra, B biết hộ gia đình ông T thuộc trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên B nói chưa trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì chưa nộp các nghĩa vụ tài chính về đất đai. Ông T nhờ B tính các khoản thuế phải nộp thì B hẹn trả lời sau. B biết số tiền ông T nếu phải nộp cho Nhà nước trong trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất sẽ ít hơn so với khi cấp mới đất ở nên áp dụng cách tính nghĩa vụ tài chính về đất theo trường hợp cấp mới đất ở đối với hộ ông T. Trên đường đi làm về, B ghé nhà nói với ông T: “Số của em khoảng 12.000.000 đồng tiền thuế, nếu có tiền thì đưa cho anh để anh đi làm và nhận sổ luôn”, T nói: “Giờ em không đủ tiền, em đưa trước 6 triệu, có chi mai một em vay được em đưa tiếp cho anh được không?”, B nói: “Rứa cũng được, có chi số tiền thiếu mi đưa cho anh sau để anh nộp mà nhận sổ”. Sau đó, ông T giao cho B số tiền 6.000.000 đồng.

Khoảng 02 ngày sau, ông T điện thoại cho B để đưa số tiền còn lại thì B hướng dẫn gặp bị cáo T để đưa tiền. Sau đó, B gọi điện thoại cho bị cáo T nói: “Tý có hộ Nguyễn Thọ T gọi, nhờ anh nhận nơi họ 6.000.000 đồng để nộp tiền thuế với, hồ sơ mai em đưa lên sau”. Ông T điện thoại cho bị cáo T và giao cho T số tiền 6.000.000 đồng. Sau khi chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, B cùng bị cáo T kiểm tra hồ sơ thì xác định hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T thuộc trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất. B nói với bị cáo T: “Số tiền mà T đưa anh cứ giữ lại dùng, bên em họ có đưa trước 6.000.000 đồng rồi, còn đưa sổ để em về trả cho họ”. Bị cáo T đồng ý và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T cho B để về trả cho ông T. Bị cáo B chiếm đoạt của ông T số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt của ông T số tiền 6.000.000 đồng.

- Vào các ngày 04 và 05/10/2016, thực hiện Kế hoạch về việc giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND xã B, ông Nguyễn Văn T đến trụ sở UBND xã B hỏi thủ tục nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị cáo T thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ T thuộc trường hợp cấp mới nên nói: “Số có đất ở nên phải nộp tiền thuế mới trả sổ được”. Bị cáo T đưa ra thông tin: “Đất chỗ ni 1m² 100.000 đồng, tổng là 15.900.000 đồng”. Sau khi ông T giao cho bị cáo T số tiền 15.900.000 đồng thì bị cáo T trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Theo thông báo của Chi cục Thuế huyện C thì hộ ông T phải nộp 79.500 đồng tiền lệ phí trước bạ nhà đất và 7.950.000 đồng tiền sử dụng đất. Bị cáo T đã chiếm đoạt của ông T số tiền còn lại là 7.870.500 đồng.

- Cùng thời gian trên, ông Phan Văn T cùng bố ông Phan Nguyên đến trụ sở UBND xã B hỏi thủ tục nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo T trả lời ông Tiến: “*Số em phải nộp thuế*”, Tiến hỏi lại: “*Khoảng mấy tiền thuế rứa anh?*”. Bị cáo T trả lời: “*Em muốn lấy sổ thì phải nộp 13.800.000 đồng tiền thuế*”. Ông Nguyên và ông Tiến về nhà lấy tiền đến giao cho bị cáo T số tiền 13.800.000 đồng và bị cáo T trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tiến và ông Nguyên. Theo thông báo của Chi cục Thuế huyện C thì hộ gia đình ông Tiến phải nộp 65.520 đồng tiền lệ phí trước bạ nhà đất và 2.730.000 đồng tiền sử dụng đất. Bị cáo T đã chiếm đoạt của ông Tiến số tiền còn lại là 11.004.480 đồng.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ Chi cục Thuế huyện C xác định các khoản thuế về đất mà các hộ phải nộp. Ngày 28/6/2018, T đến Ngân hàng AgriBnk huyện C nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất theo thông báo vào ngân sách Nhà nước của các hộ trên. Sau đó, bị cáo B đem các chứng từ về lưu trữ hồ sơ tại Chi nhánh VPĐKĐĐ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định xử: Tuyên bố bị cáo Đào Ngọc T phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1, 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo **Đào Ngọc T 18 (Mười tám)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trí B, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/1/2023, bị cáo Đào Ngọc T có đơn kháng cáo với nội dung:

- Bị cáo biết việc nhận tiền của các bị hại là vi phạm pháp luật, nhưng do thời điểm đó bị cáo có con trai bị tai nạn giao thông mất nên bị cáo bị rối loạn T lý phải nghỉ việc thời gian dài, không còn nhớ sự việc xảy ra trước đó nên chưa kịp hoàn trả số tiền thừa cho các bị hại.

- Bị cáo lần đầu phạm tội, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn và là lao động chính trong gia đình. Bị cáo phải nuôi mẹ già gần 90 tuổi và các con đang còn nhỏ. Quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích nên được trao kỷ niệm chương. Bố vợ bị cáo là liệt sỹ, bị cáo là cháu nội của liệt sỹ và cháu ngoại của bà mẹ Việt Nam anh Hùng.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo nhận thấy sai sót, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Bị cáo trực tiếp đến các gia đình xin lỗi và hoàn trả số tiền chiếm đoạt cho bị hại khi có thông tin khiếu nại. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “*ăn năn hối cải*”.

Với mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử 18 tháng tù là nặng nên bị cáo kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được giảm án và hưởng án treo để bị cáo có điều kiện tiếp tục làm việc và chăm sóc gia đình.

Người bị hại ông Phan Văn T, ông Nguyễn Thọ T, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung:

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo T đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Người bị hại không có ý kiến gì về số tiền thừa vì khi nào trả ông T cũng được. Hoàn cảnh gia đình bị cáo T khó khăn nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo T giảm án và được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Ngọc T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định đơn kháng cáo của bị cáo Đào Ngọc T, bị hại ông Phan Văn T, ông Nguyễn Thọ T, ông Nguyễn Văn T được Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại ông Phan Văn T, ông Nguyễn Thọ T, ông Nguyễn Văn T có kháng cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b và điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận trong thời gian làm việc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C năm 2016, bị cáo T lợi dụng công vụ giao nên trước đó bị cáo T nhận được thông báo của cơ quan thuế huyện C thông báo nghĩa vụ tài chính các bị hại phải nộp lệ phí trước bạ nhà đất và tiền sử dụng đất, bị cáo T đã đưa ra thông tin để bị hại nộp số tiền lệ phí trước bạ nhà đất và tiền sử dụng đất cao hơn với thông báo của cơ quan thuế huyện C. Bị cáo T trực tiếp thu tiền, trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bị hại và nộp lệ phí trước bạ nhà đất, tiền sử dụng đất thay cho các bị hại theo thông báo của cơ

quan thuế huyện C. Số tiền chênh lệch còn thừa bị cáo T không trả cho các bị hại mà chiếm đoạt của ông T số tiền 7.870.500 đồng và chiếm đoạt của ông Tiến số tiền 11.004.480 đồng. Đối với bị hại ông T thuộc trường hợp không phải nộp tiền lệ phí trước bạ nhà đất và tiền sử dụng đất, nhưng bị cáo B đưa ra thông tin ông T phải nộp số tiền 12.000.000 đồng mới trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. B chiếm đoạt của ông T số tiền 6.000.000 đồng và bị cáo T chiếm đoạt của ông T số tiền 6.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của các bị hại là 24.874.980 đồng với mục đích sử dụng vào việc chi tiêu cho cá nhân. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Đào Ngọc T phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đào Ngọc T và kháng cáo của bị hại ông Phan Văn T, ông Nguyễn Thọ T, ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T là bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, trong quá trình công tác bị cáo T có nhiều thành tích nên được tặng Giấy khen quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết phúc thẩm, bị cáo T cung cấp những tình tiết giảm nhẹ mới như: Bị cáo B chiếm đoạt của ông T số tiền 6.000.000 đồng và bị cáo T chiếm đoạt của ông T số tiền 6.000.000 đồng, nhưng bị cáo T thấy ăn năn về hành vi phạm tội của mình nên đã khắc phục thiệt hại cho ông T bằng việc đến xin lỗi gia đình ông T, bồi thường cho gia đình ông T số tiền 12.000.000 đồng mà bị cáo T và bị cáo B đã chiếm đoạt. Như vậy, bị cáo T đã thể hiện ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng cho bị cáo T tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị hại ông Phan Văn T, ông Nguyễn Thọ T, ông Nguyễn Văn T đều có đơn kháng cáo đề nghị giảm án và cho bị cáo T được hưởng án treo. Bị cáo T cung cấp bằng Tổ Quốc ghi công của Liệt Sĩ Hồ Hách là bố vợ của bị cáo, bằng Tổ Quốc ghi công của Liệt Sĩ Đào Xuân Thâm là ông nội của bị cáo và bằng truy tặng bà Hồ Thị Chinh bà mẹ Việt Nam anh hùng là bà ngoại của bị cáo. Cơ quan nơi bị cáo công tác của bị cáo là Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện C và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị có văn bản đề nghị xem xét giảm án cho bị cáo T để có cơ hội tiếp tục làm việc. Theo giấy xác nhận của UBND thị trấn Krông Klang, huyện C, tỉnh Quảng Trị xác nhận hoàn cảnh gia đình bị cáo

T khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình còn phải nuôi 02 con còn nhỏ và mẹ già trên 90 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo T hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất nguy hiểm, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an của địa phương. Tuy bị cáo T phạm tội nhiều lần là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự, nhưng trong 03 lần chiếm đoạt tài sản của bị hại, có lần bị cáo T chiếm đoạt của ông T số tiền 6.000.000đồng với vai trò đồng phạm, còn bị cáo B là người khởi xướng. Bị cáo có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của địa phương. Bị có nơi làm việc ổn định và nơi cư trú rõ ràng. Các bị hại kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo và cơ quan bị cáo công tác đều đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và thấy bị cáo T có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới ở giai đoạn phúc thẩm nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm.

[4] Về án phí: Bị cáo Đào Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Ngọc T và bị hại ông Phan Văn T, ông Nguyễn Thọ T, ông Nguyễn Văn T; sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Đào Ngọc T phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo **Đào Ngọc T** 18 (*Mười tám*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (*B mươi sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đào Ngọc T cho Ủy Bn nhân dân thị trấn Krông Klang, huyện C, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị

cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Đào Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND T.T KrôngKlang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Kim Thương Trần Việt Trung

Nguyễn Thị Thu Hà

